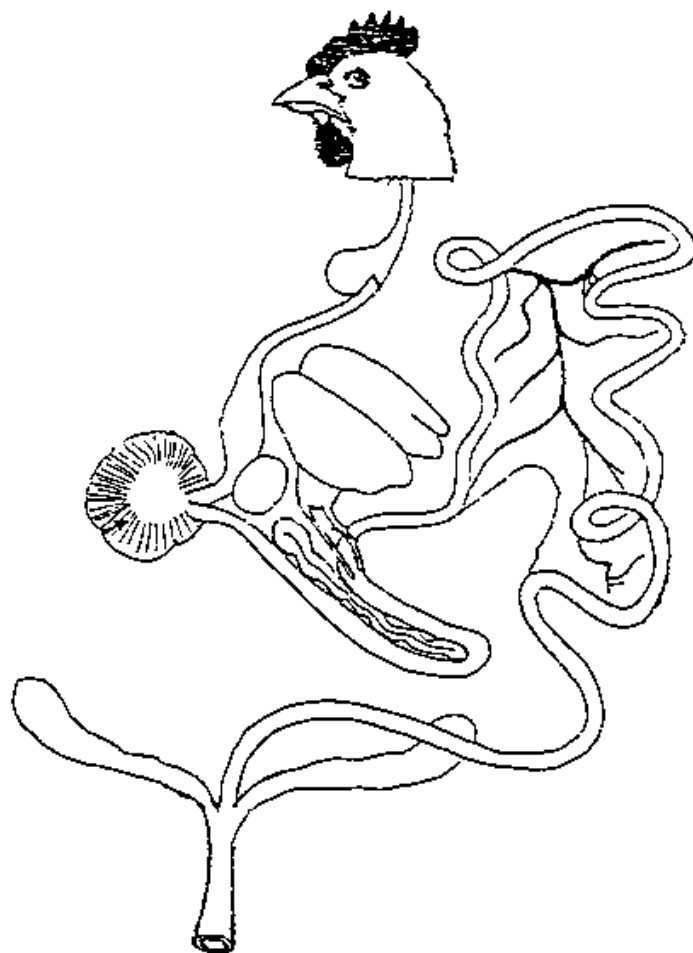


GIÁO TRÌNH MÔN HỌC
GIẢI PHẪU- SINH LÝ VẬT NUÔI
MÃ SỐ: MH-01



NGHỀ:
SỬ DỤNG
THUỐC
THÚ Y
TRONG
CHĂN
NUÔI

Trình độ sơ cấp nghề

Vĩnh Thạnh, Tháng 6 năm 2012

MÔN HỌC: GIẢI PHẪU SINH LÝ VẬT NUÔI

Giới thiệu môn học

Giải phẫu sinh lý vật nuôi là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề, nghề sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, được bố trí giảng dạy trước các môn học/mô đun chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo.

Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về vị trí, hình thái, cấu tạo và hoạt động sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

Học xong môn học này người học có khả năng.

- Trình bày được nội dung về vị trí, hình thái, cấu tạo và hoạt động sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

- Xác định được vị trí, hình thái cấu tạo đại thể của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

Thời gian giảng dạy môn học được thiết kế 44 giờ, trong đó lý thuyết 24 giờ, thực hành 16 giờ, kiểm tra 4 giờ.

Phần thực hành gồm 6 chương: Hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiết niệu sinh dục và hệ thần kinh.

Phần thực hành gồm câu hỏi, bài tập, bài thực hành được xây dựng trên cơ sở nội dung cơ bản của các bài học lý thuyết, nhằm giúp người học hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, trong việc nhận biết vị trí, cấu tạo, hoạt động sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi. Các bài học trong môn học được sử dụng phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành, trong đó thời lượng cho các bài thực hành được bố trí 30 %. Vì vậy để học tốt môn học người học cần chú ý thực hiện các nội dung sau:

- Tham gia học tập đầy đủ các bài lý thuyết, thực hành có trong môn học, trong đó quan tâm đặc biệt đến thực hành về nhận biết vị trí, cấu tạo, hoạt động sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi.

- Phải có ý thức kỷ luật trong học tập, nghiêm túc, say mê nghề nghiệp, giám nghĩ, giám làm và đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập môn học được thực hiện theo Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Chương 1: HỆ VẬN ĐỘNG

Mục tiêu

Học xong chương này người học có khả năng:

- Trình bày được hình thái, cấu tạo của bộ xương và cơ.

- Mô tả được hoạt động sinh lý của xương, khớp xương và cơ.

A. Nội dung

1. Bộ xương

1.1. Xương đầu

Xương đầu gồm: Xương sọ và xương mặt.

- Xương sọ:

Có 6 xương hợp thành gồm: xương trán, đỉnh, chẩm, bướm, sàng và xương thái dương. Các xương này mỏng, dẹp, rỗng ở giữa, liên kết với nhau bằng các khớp bất động tạo thành xoang sọ chứa não. Phía sau khớp với đốt sống cổ số 1 có thể cử động dễ dàng.

- Xương mặt:

Gồm 10 xương gồm: xương mũi, xương lệ, xương gò má, xương hàm trên, xương liên hàm, xương khẩu cái, xương lá mía, xương ống cuộn, xương cánh và xương hàm dưới. các xương đều mỏng, dẹp, đa dạng, tạo thành các hốc (hốc mắt, hốc mũi, hốc miệng...) và các xoang. Các xương dính liền tạo thành khối.

Xương hàm dưới khớp với xương thái dương của hộp sọ, tạo thành khớp toàn động duy nhất ở vùng đầu.

1.2. Xương sống

- Xương sống do rất nhiều đốt sống nối tiếp nhau tạo thành. Đốt sống cổ số 1 khớp với lồi cầu xương chẩm tạo khớp toàn động làm cho đầu có thể quay về mọi phía. Phía sau các đốt sống thoái hóa dần tạo thành đuôi. Cột sống chia thành 5 vùng: Cổ, lưng, hông, khum, đuôi.

1.3. Xương sườn

- Xương sườn là xương dài cong, mỏng, dẹp có hai đầu (trên, dưới), phần giữa là thân.

+ Đầu trên: Lồi tròn, khớp với đài khớp của đốt sống lưng cùng số.

+ Đầu dưới: Đầu xương sườn nối tiếp với một đoạn sụn ngắn.

Ở một số xương sườn, đoạn sụn này gắn lên mặt trên xương ức gọi là xương sườn thật.

Xương sườn có các đoạn sụn nối liền tạo thành vòng cung sụn sườn (bên phải và bên trái) gọi là xương sườn giả.

Ví dụ: Trâu bò có 8 đôi xương sườn thật và 5 đôi xương sườn giả.

Ngựa có 8 đôi xương sườn thật, 10 đôi xương sườn giả.

Lợn có từ 7 – 9 đôi xương sườn thật, từ 5 – 8 đôi xương sườn giả.

1.4. Xương ức

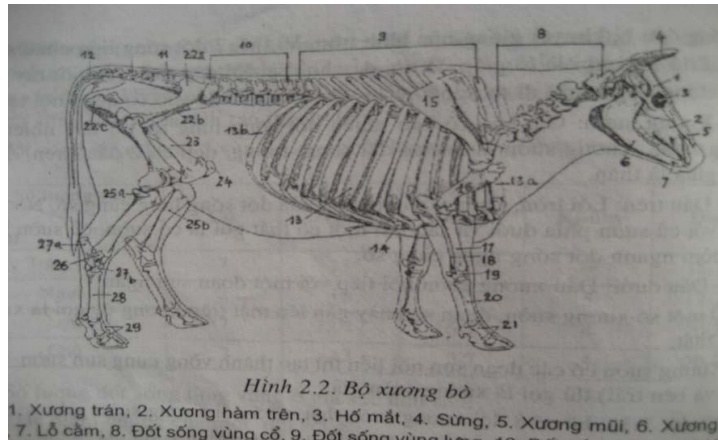
Là xương lẻ hình cái thuyền, mỏng, xốp nằm dưới lồng ngực, làm chỗ tựa cho các sụn sườn.

Xương ức có một thân hai đầu, được tạo thành từ các đốt xương ức: bò, ngựa có 7 đốt, lợn có 6 đốt nối với nhau bởi các đĩa sụn.

- Đầu trước: Gọi là mỏm khí quản (vì khí quản đi sát mặt trên của đầu trước). Hai bên có hai hố để khớp với đôi xương sườn số 1.

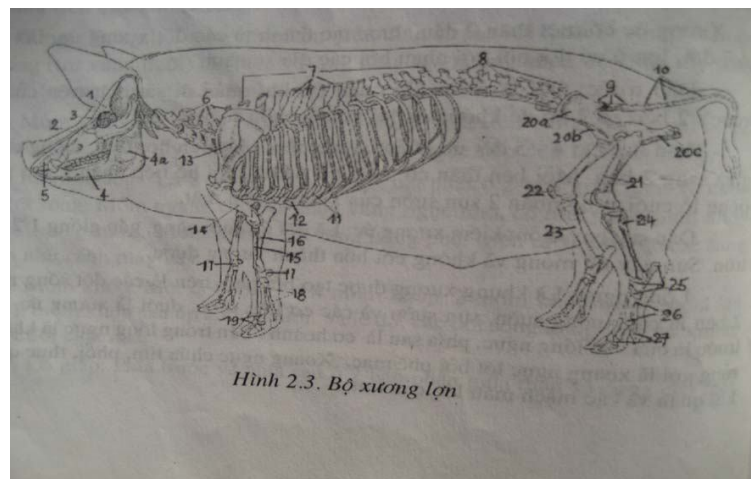
- Đầu sau hay mỏm kiếm xương ức: là đốt ức cuối cùng, gần giống 1/2 hình tròn. Sụn này rất mỏng và không cốt hóa thành xương được.

- Lồng ngực: được tạo bởi phía trên là các đốt sống ngực, hai bên là các xương sườn, sụn sườn và các cơ liên sườn, dưới là xương ức, phía trước là cửa vào lồng ngực, phía sau là cơ hoành. Xoang ngực chứa tim, phổi, thực quản, khí quản và các mạch máu lớn của tim.



Hình 1.1 : Bộ xương bò

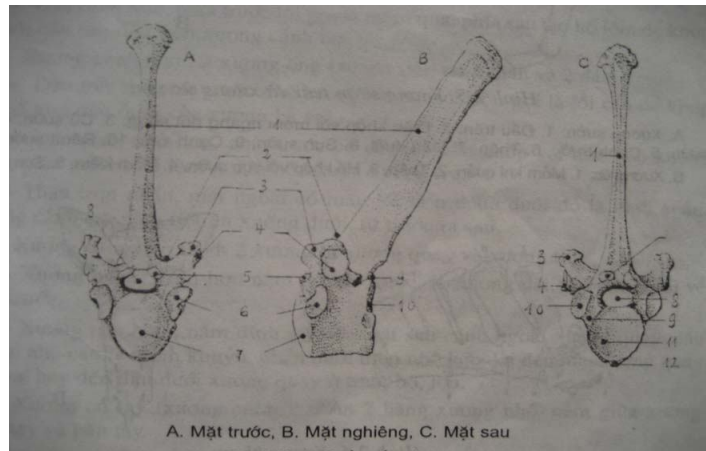
1. Xương trán, 2. Xương hàm trên, 3. Hố mắt, 4. Sừng, 5. Xương mũi, 6. Xương hàm dưới, 7. Lỗ cằm, 8. Đốt sống vùng cổ, 9. Đốt sống vùng lưng, 10. Đốt sống hông, 11. Xương khum, 12. Đốt sống vùng đuôi, 13. Xương sườn, 13a. Xương sườn, 13b. Xương sườn cuối, 14. Xương ức, 15. Xương bả vai, 16. Xương cánh tay, 17. Xương quay, 18. Xương trụ, 19. Xương cổ tay, 20. Xương bàn, 21. Xương ngón, 22a. Xương cánh chậu, 22b. Xương háng, 22c. Xương ngồi, 23. Xương đùi, 24. Xương bánh chè, 25a. Xương chày, 25b. Xương mác, 26. Xương sên, 27a. Xương gót, 27b. Xương hộp, 28. Xương bàn, 29. Xương ngón.



Hình 1.2 : Bộ xương lợn

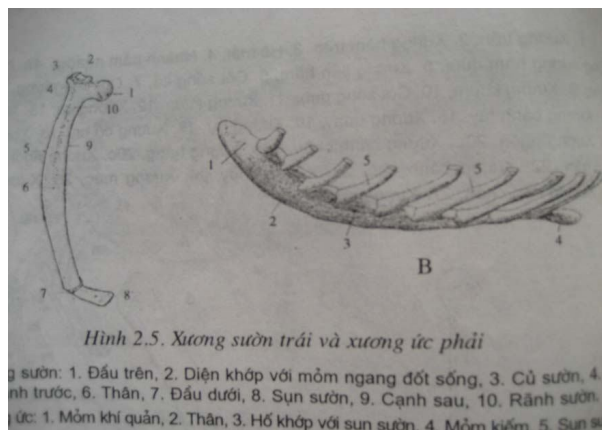
1. Xương trán, 2. Xương hàm trên, 3. Hố mắt, 4. Nhánh nằm ngang, 4a. Nhánh thẳng đứng xương hàm dưới, 5. Xương liên hàm, 6. Cột sống cổ, 7. Cột

sống lưng, 8. Cột sống hông, 9. Xương khum, 10. Cột sống đuôi, 11. Xương sườn, 12. Xương ức, 13. Xương bả vai, 14. Xương cánh tay, 15. Xương quay, 16. Xương trụ, 17. Xương cổ tay, 18. Xương bàn tay, 19. Xương ngón, 20a. Xương cánh chậu, 20b. Xương háng, 20c. Xương ngồi, 21. Xương cổ chân, 22. Xương bánh chè, 23. Xương chày, 24. Xương mác, 25. Xương cổ chân, 26. Xương bàn chân, 27. Xương ngón chân.



Hình 1.3 : Đốt sống lưng

1. Mỏ gai, 2. Cung, 3. Mỏ ngang, 4. Mỏ vú, 5. Mỏ khớp trước, 6. Diện lõm trước đốt sống, 7. Đầu trước thân, 8. Lỗ sống, 9. Lỗ ngang, 10. Diện lõm sau đốt sống, 11. Đầu sau thân, 12. Mào dưới thân.



Hình 1.4 : Xương sườn trái và xương ức phải

A. Xương sườn: 1. Đầu trên, 2. Diện khớp với mỏ ngang đốt sống, 3. Củ sườn, 4. Cổ sườn, 5. Cạnh trước, 6. Thân, 7. Đầu dưới, 8. Sụn sườn, 9. Cạnh sau, 10. Rãnh sườn.

B. Xương ức: 1. Mỏ khí quản, 2. Thân, 3. Hố khớp với sụn sườn, 4. Mỏ kiếm, 5. Sụn sườn.

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo yết hầu

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo thanh quản, phế quản

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo phổi

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

5.8. Bài 8: Nghe nhịp thở của trâu, bò

Tiêu chí đánh giá Cách thức đánh giá

Xác định được nhịp thở của trâu Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Xác định được nhịp thở của bò Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

5.9. Bài 9: Nhận biết vị trí, hình thái, cấu tạo hệ tiết niệu gia súc

Tiêu chí đánh giá Cách thức đánh giá

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo thận

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo niệu quản

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo bàng quang

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo niệu đạo

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

5.10. Bài 10: nhận biết vị trí, hình thái, cấu tạo hệ sinh dục gia súc

Tiêu chí đánh giá Cách thức đánh giá

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo hệ sinh dục đực

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo hệ sinh dục cái

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

5.11. Bài 11: Nhận biết vị trí, hình thái, cấu tạo hệ thần kinh gia súc

Tiêu chí đánh giá Cách thức đánh giá

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo tủy sống gia súc

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận dạng đúng vị trí, hình thái, cấu tạo não bộ gia súc

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

5.12. Bài 12: Thử phản xạ cơ vân vùng chi trâu, bò

Tiêu chí đánh giá Cách thức đánh giá

Nhận biết được phản xạ co cơ vân chân trước trâu, bò là phản xạ không điều kiện

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận

Nhận biết được phản xạ co cơ vân chân sau trâu, bò là phản xạ không điều kiện

Trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc tự luận./.

Tailieu.vn